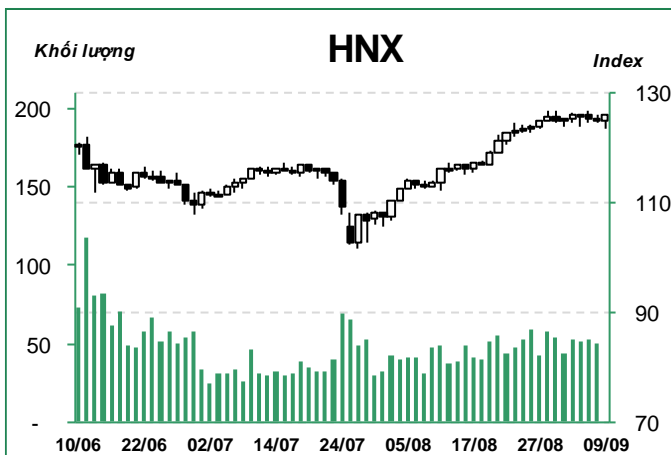
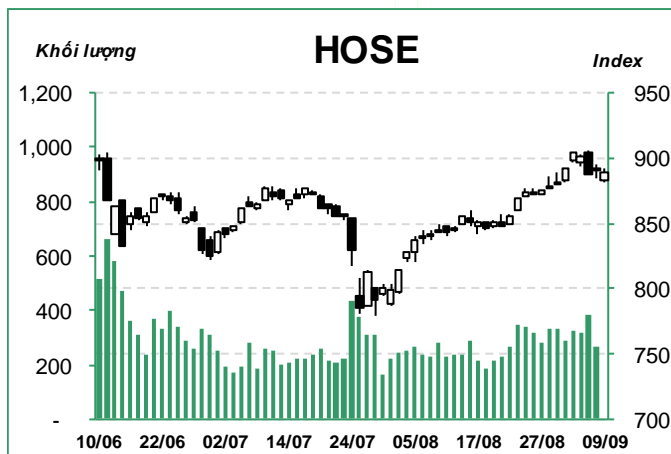


Tổng quan thị trường

09/09/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	889.32	-0.09%	824.42	-0.38%	125.93	0.90%
Cuối tuần trước	901.54	-1.36%	840.54	-1.92%	126.15	-0.17%
Trung bình 20 ngày	874.55	1.69%	811.84	1.55%	123.35	2.08%
Tổng KLGD (triệu cp)	318.44	8.31%	92.10	-1.33%	47.68	-14.16%
KLGD khớp lệnh	282.23	5.75%	82.99	2.03%	40.07	-20.57%
Trung bình 20 ngày	289.17	-2.40%	81.46	1.87%	49.18	-18.51%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	5,985.20	3.41%	2,569.95	-12.41%	621.11	-9.03%
GTGD khớp lệnh	5,151.88	8.08%	2,358.61	-2.93%	507.89	-16.47%
Trung bình 20 ngày	5,035.01	2.32%	2,309.19	2.14%	581.10	-12.60%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	202	44%	8	27%	82	23%
Số mã giảm	185	40%	20	67%	61	17%
Số mã đứng giá	74	16%	2	7%	213	60%



Tâm lý lo ngại bao trùm thị trường khi kỳ vọng của nhà đầu tư về một phiên đảo chiều phục hồi của chứng khoán Mỹ sau kỳ nghỉ lễ đã không xảy ra vào đêm qua. Điều này khiến thị trường Châu Á nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng chìm trong sắc đỏ vào hôm nay. Mặc dù vậy, thị trường Việt Nam có phần tích cực hơn nhờ lực cầu bắt đáy cuối phiên.

Chốt phiên, chỉ số VN-Index đóng cửa sát tham chiếu tại mức 889.32 điểm (-0.09%). KLGD khớp lệnh đạt 282.2 triệu cổ phiếu (+5.8%), tương đương 5,152 tỷ đồng giá trị (+8.1%). Dù chỉ số đóng cửa trong sắc đỏ, độ rộng thị trường lại nghiêng về bên mua nhiều hơn với 202 mã tăng so với 185 mã giảm.

Áp lực điều chỉnh của nhóm cổ phiếu trụ trong rổ VN30 là nguyên chính khiến VN-Index đóng cửa trong sắc đỏ. Trong đó, nhóm ngân hàng Vietcombank-VCB (-0.4%), Techcombank-TCB (-1.4%), Vietinbank-CTG (-1.0%) có tác động tiêu cực nhất. Ở chiều ngược lại, bên cạnh một số cổ phiếu trụ hỗ trợ chỉ số như Becamex IDC-BCM (+2.1%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+1.6%), dòng tiền cũng hướng đến một số nhóm ngành được hưởng lợi từ giá dầu giảm như hóa chất, phân bón hay nhựa,...

Khối ngoại thu hẹp bán ròng cổ phiếu trên sàn HoSE, đạt giá trị 190.6 tỷ đồng (-53.6%). Trong đó, những cổ phiếu bị khối này bán ròng nhiều nhất là Hòa Phát-HPG (-112.7 tỷ), Vinamilk-VNM (-33.6 tỷ), Vinhomes-VHM (-25.2 tỷ). Trái lại, Petrolimex-PLX (+25.8 tỷ), Vincom Retail-VRE (+25.7 tỷ), Bia

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
VGC	7,991.1	179.80
GAB	680.0	96.76
HNG	4,283.1	53.30
VPB	2,452.8	52.92
EIB	3,025.2	51.72
VPI	1,200.0	48.10
NVL	500.0	30.87
SBT	1,951.8	29.28
VND	2,200.0	27.06
TRA	452.1	23.96
HNX		
VC3	2,162.5	35.97
SHB	2,200.0	30.36
NTP	526.0	15.26
SHS	1,315.7	14.74
NVB	1,100.0	10.01
VNT	50.0	2.93
ACB	130.1	2.68
BVS	120.0	1.28

Sài Gòn - Miền Trung-SMB (+6.3 tỷ) dẫn đầu ở chiều mua vào.

Trên sàn Hà Nội, chỉ số HNX-Index cũng hồi phục vào cuối phiên nhưng tích cực hơn khi đóng cửa tăng điểm tại mức 125.93 điểm (+0.90%). KLGĐ khớp lệnh đạt 40.1 triệu cổ phiếu (-20.6%), tương đương 507.9 tỷ đồng giá trị (-16.5%).

Trái ngược với sàn HoSE, nhóm ngân hàng lại là động lực cho đà phục hồi của HNX-Index khi cả 3 cổ phiếu Ngân hàng Á Châu-ACB (+1.5%), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+0.7%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (+2.4%) đều bật tăng. Bên cạnh đó, Khách sạn Đại Dương-OCH (+10.0%), Vicostone-VCS (+1.3%) cũng góp phần giúp chỉ số đảo chiều. Ở chiều ngược lại, Vinaconex-VCG (-1.3%), Bảo hiểm Bưu điện-PTI (-4.7%), Vận tải ngoại thương-VNT (-9.8%), Dầu khí PTSC-PVS (-0.8%) gây áp lực chính.

Khối ngoại quay trở lại vị thế bán ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 3.1 tỷ đồng. Với Vicostone-VCS (-2.7 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (-1.4 tỷ), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (-0.7 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất, trong khi đó, Ngân hàng SHB-SHB (+2.3 tỷ), Nhựa Tiên Phong-NTP (+1.0 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (+0.8 tỷ) được mua vào.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index giảm điểm trở lại. Khối lượng tuy có gia tăng nhẹ so với phiên trước đó nhưng vẫn dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền vẫn khá thận trọng. Không những vậy, chỉ số đang đóng cửa dưới MA5, kèm theo RSI có tín hiệu suy yếu cho thấy áp lực chốt lời tại vùng kháng cự 900-905 điểm vẫn đang diễn ra. Tuy nhiên, chỉ số tiếp tục giữ vững xu hướng phục hồi, khi chỉ số đang duy trì đóng cửa trên MA20 cùng với ADX nằm trên 25 và +DI nằm trên -DI. Do đó, chúng tôi cho rằng, áp lực điều chỉnh hiện tại có thể chỉ mang tính kỹ thuật với vùng hỗ trợ gần quanh ngưỡng 880 điểm (vùng đỉnh tháng 7/2020) và xa hơn có thể quanh 867-868 điểm (MA20 và 200). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến trái chiều. Chỉ số có phiên tăng điểm và đóng cửa trên MA5, kèm theo MA20 đang hướng lên tích cực, cho thấy chỉ số có thể vẫn giữ được xu hướng phục hồi. Ngưỡng kháng cự gần có thể quanh vùng 127.3 điểm (Fib 127.2). Nhìn chung, thị trường đang trong nhịp điều chỉnh mang tính rũ bỏ các vị thế yếu nhằm củng cố cho xu hướng phục hồi chính bền vững hơn. Do đó, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục hợp lý hơn.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
MHC	8.3	1,295.0	7.0%
GIL	24.6	923.0	7.0%
TGG	1.1	428.8	6.9%
TEG	4.8	825.6	6.9%
CSV	25.4	832.3	6.7%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DAT	44.1	2.1	-7.0%
DTA	4.3	4.3	-6.9%
ITC	14.3	0.7	-6.8%
CLW	24.8	0.0	-6.8%
CEE	15.4	0.8	-6.7%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	24.5	482.6	-0.6%
VNM	123.8	199.3	-0.3%
GEX	26.1	194.3	0.6%
VHM	78.6	152.5	0.1%
HSG	12.1	135.2	3.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HPG	24.5	19,632.4	-0.6%
HSG	12.1	11,379.4	3.4%
HAG	4.8	10,190.9	4.8%
STB	11.3	8,875.3	0.4%
GEX	26.1	7,530.8	0.6%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACM	0.8	447.8	14.3%
BII	1.0	868.2	11.1%
SCI	74.8	70.6	10.0%
SPI	1.1	514.7	10.0%
KVC	1.1	187.9	10.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VIG	0.8	148.5	-11.1%
VNT	55.4	0.1	-9.8%
PCE	9.4	0.3	-9.6%
HBS	1.9	0.5	-9.5%
SFN	18.1	0.1	-9.5%

Top 5 giá trị

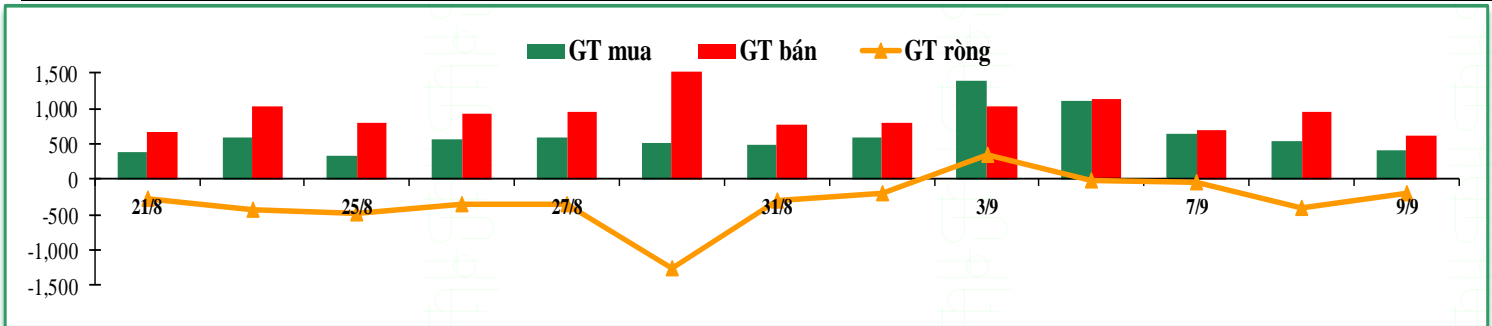
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	20.9	103.3	1.5%
PVS	12.4	41.6	-0.8%
VCS	67.9	40.2	1.3%
SHS	11.4	32.1	0.0%
SHB	13.9	27.6	0.7%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	20.9	5,021.4	1.5%
PVS	12.4	3,395.2	-0.8%
SHS	11.4	2,859.0	0.0%
NVB	8.5	2,758.1	2.4%
SHB	13.9	2,020.9	0.7%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	411.7	8.0%	602.2	11.7%	-190.6
HNX	10.6	2.1%	13.7	2.7%	-3.1
Tổng số	422.3		616.0		-193.7



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	24.5	108.4	-0.6%
VIC	90.5	35.2	0.0%
VRE	28.4	30.8	0.4%
PLX	50.9	27.2	-0.6%
VCB	82.2	24.9	-0.4%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	24.5	221.1	-0.6%
VNM	123.8	49.8	-0.3%
VCB	82.2	44.0	-0.4%
VIC	90.5	43.9	0.0%
VHM	78.6	35.2	0.1%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	50.9	25.8	-0.6%
VRE	28.4	25.7	0.4%
SMB	34.0	6.3	0.6%
KBC	13.7	4.6	0.4%
VSC	34.4	4.4	2.4%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	13.9	3.8	0.7%
BVS	10.7	2.2	0.0%
NTP	31.7	1.4	0.6%
TIG	7.1	1.0	0.0%
VCS	67.9	0.5	1.3%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	67.9	3.2	1.3%
PVS	12.4	1.6	-0.8%
SHB	13.9	1.5	0.7%
BVS	10.7	1.4	0.0%
TIG	7.1	1.3	0.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	13.9	2.3	0.7%
NTP	31.7	1.0	0.6%
BVS	10.7	0.8	0.0%
IDV	49.2	0.2	0.2%
BAX	47.1	0.1	0.6%

Tin trong nước

Xuất khẩu cá tra sang Trung Quốc dự báo tiếp tục gặp khó

Theo số liệu của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), tính đến nửa đầu tháng 8, tổng giá trị xuất khẩu cá tra sang Trung Quốc - Hong Kong đạt 271 triệu USD, giảm 22,6% so với cùng kỳ năm trước. Trước đó, tháng 7, giá trị xuất khẩu sang thị trường này đạt 42,36 triệu USD, giảm 35,5% so với cùng kỳ năm 2019.

8 tháng qua, các nhà xuất khẩu cá tra Việt Nam chủ yếu xuất khẩu các sản phẩm cá tra như cá tra phile đông lạnh, bao tử cá tra đông lạnh, bong bóng cá chiên/khô/sấy, cá tra nguyên con xẻ bướm đông lạnh, bụng cá tra đông lạnh, cá tra phile cắt khúc/cắt miếng còn da, cá tra cắt portion đông lạnh, cá tra phile tẩm gia vị đông lạnh, cá tra nguyên con bỏ nội tạng đông lạnh... sang thị trường Trung Quốc - Hong Kong.

Hiện có khoảng gần 120 doanh nghiệp cá tra của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, trong đó, 3 doanh nghiệp có giá trị xuất khẩu lớn nhất là IDI Corp, TG FISHERY và GODACO.

Cũng theo VASEP, hoạt động xuất khẩu cá tra sang Trung Quốc giảm ngay từ đầu năm do ảnh hưởng bởi sự ngưng trệ giao thương vì dịch Covid-19. Ngoài ra, sản phẩm cá thịt trắng nội địa của nước này cũng đang bị dư thừa do hoạt động xuất khẩu thủy sản giảm.

Trong tháng 3, các nhà xuất khẩu cá tra Việt Nam đã tìm cách đưa các sản phẩm cá tra trở lại thị trường Trung Quốc sau thời gian phong tỏa, tuy nhiên khối lượng xuất khẩu không chuyển biến rõ rệt.

Techcombank khóa 'room' ngoại ở 22,5%

HDQT Techcombank (HoSE: TCB) thông qua nâng giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài từ mức 22,4951% lên mức 22,5076% vốn điều lệ.

Theo thông tin từ ngân hàng, động thái trên nhằm giúp người lao động nước ngoài được mua 439.000 cổ phiếu TCB thông qua giao dịch nhận chuyển nhượng cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường.

Lũy kế 6 tháng, thu nhập lãi thuần và lãi từ hoạt động dịch vụ tăng lần lượt 23% và 57%, đạt 8.147 tỷ đồng, và 1.974 tỷ đồng. Trừ chi phí hoạt động và trích lập dự phòng, ngân hàng lãi trước thuế 6.737 tỷ đồng, tăng 19%, tương đương 52% kế hoạch năm. Lãi sau thuế tăng tương đương lên 5.394 tỷ đồng

Tổng tài sản đến cuối tháng 6 ở mức 395.861 tỷ đồng, tăng 3% so với đầu năm. Cho vay khách hàng trước dự phòng tăng 0,3% lên 231.665 tỷ đồng. Nợ xấu giảm 2.099 tỷ đồng, giảm 32% so với đầu năm. Trong đó, nợ nhóm 5 giảm hơn 1.600 tỷ đồng, xuống gần 903 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu giảm từ 1,33% xuống 0,91%.

Tiền gửi khách hàng hơn 249.857 tỷ đồng, tăng 8% so với đầu năm. Khoản phát hành giấy tờ có giá cũng tăng 34% lên 23.404 tỷ đồng.

Tin doanh nghiệp niêm yết

AMV sắp chia cổ tức cổ phiếu 40%

CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị y tế Việt Mỹ (HNX: AMV) thông báo triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019. Tỷ lệ phát hành 40% (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 4 cổ phiếu mới).

Với gần 38 triệu cổ phiếu đang lưu hành, công ty sẽ phát hành thêm gần 15,2 triệu cổ phiếu mới. Vốn điều lệ sau phát hành dự kiến tăng thành 531 tỷ đồng. Thời gian thực hiện trong quý III-IV.

Năm ngoái, AMV ghi nhận doanh thu 518 tỷ đồng, tăng 12%. Lợi nhuận sau thuế thu về 223 tỷ đồng, tăng nhẹ 2% và hoàn thành 97% kế hoạch năm. Theo đó cổ đông chấp thuận mức chia cổ tức năm 2019 tổng tỷ lệ 60%; trong đó 40% bằng cổ phiếu và 20% bằng tiền.

Trong giai đoạn 2020-2021, AMV có kế hoạch tăng vốn khủng với việc dự kiến phát hành tổng cộng 91,1 triệu cổ phiếu mới nhằm tăng vốn điều lệ lên 1.291 tỷ đồng. Trong đó bao gồm phương án trả cổ tức cổ phiếu năm 2019 trên, chào bán cho cổ đông hiện hữu gần 38 triệu cổ phiếu (tỷ lệ 1:1) và phát hành riêng lẻ gần 38 triệu cổ phiếu khác (tỷ lệ 1:1).

Năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu tăng 45% lên 750 tỷ, lãi sau thuế tăng 10% lên 245 tỷ đồng.

TNS Holdings phát hành gần 4 triệu cổ phiếu để hoán đổi cổ phần

HDQT CTCP Thương mại Dịch vụ TNS Holdings (HoSE: TN1) thông qua việc phát hành 3,85 triệu cổ phiếu để hoán đổi cổ phần do Công ty Quản trị Nguồn nhân lực M-Talent và Công ty TNTech phát hành. Vốn điều lệ sẽ tăng lên 214 tỷ đồng.

Đối với M-Talent, tỷ lệ thực hiện là 1:1,8, tức 18 cổ phần M-Talent sẽ đổi được 10 cổ phiếu TN1. Còn với TNTech, tỷ lệ hoán đổi là 1:0,9.

Thời gian thực hiện dự kiến vào quý IV/2020 – quý I/2021. Số lượng cổ phiếu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

Gần đây, TNS Holdings cũng phát hành gần 4,3 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019, tương đương với tỷ lệ 32%.

Về kết quả kinh doanh 6 tháng, TNS Holdings có 278 tỷ đồng doanh thu, tăng 3% nhưng lợi nhuận sau thuế giảm 13% còn 41 tỷ đồng. Doanh nghiệp hoàn thành 43% kế hoạch doanh thu và 36% kế hoạch lợi nhuận.

Sao Ta họp bất thường về phương án tăng vốn điều lệ

Thực phẩm Sao Ta (Fimex, HoSE: FMC) - một thành viên của Tập đoàn PAN (HoSE: PAN) thông báo chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ bất thường năm 2020. Ngày đăng ký cuối cùng vào 30/9 và thời gian họp dự kiến 18/10 tại Sóc Trăng.

Nội dung cuộc họp là phê duyệt việc triển khai thực hiện dự án xây dựng nhà máy mới và phê duyệt phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ.

Tháng 10/2019, Sao Ta từng phát hành thành công hơn 8 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, tương đương tỷ lệ thực hiện 20%. Giá chào bán khi đó là 25.000 đồng/cp, tương ứng thu về hơn 200 tỷ đồng.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DBC	Mua	10/09/20	48	48	0.0%	57	18.8%	45	-6.3%	Cổ phiếu đã được tích lũy

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	ACB	Quan sát mua	10/09/20	20.9	22.4 23.7	Nhịp điều chỉnh về hỗ trợ tích cực + mẫu hình đảo chiều Bullish Engulfing -> khả năng sớm quay lại xu hướng tăng
2	PTB	Quan sát mua	10/09/20	50.2	58.5-60.5	Phiên bật tăng tốt từ MA50, bao phủ phiên giảm vol cao trước đó cho khả năng phiên giảm này là phiên gom hàng -> khả năng có nhịp tăng ngắn hạn vượt kháng cự 52
3	TV2	Quan sát mua	10/09/20	49.65	55-56.5	Phiên bật tăng tốt từ nền với vol cao, khả năng có nhịp tăng ngắn hạn -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 49-49.5
4	SJD	Quan sát mua	10/09/20	18	19-19.3	Các phiên gần đây có vol cao khi về vùng hỗ trợ xu hướng, khả năng là tín hiệu gom hàng -> cần phiên tăng tốt đóng cửa vượt 18.1 để cho tín hiệu xác nhận quay lại xu hướng tăng
5	DPG	Quan sát mua	10/09/20	22.8	25-26 29	Phiên tăng tốt trong vùng tích lũy, kéo MACD Histogram tăng trở lại -> khả năng sớm có phiên breakout

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FMC	Nắm giữ	18/08/20	32.9	27.7	18.8%	34.6	24.9%	26.7	-4%	
2	DGC	Nắm giữ	20/08/20	41.2	33.45	23.2%	43.5	30.0%	31.8	-5%	
3	VRE	Mua	27/08/20	28.4	27.2	4.4%	28.6	5%	26.6	-2%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền (*)	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 09/09/2020									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (**) (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,370	1.5 %	-11%	4,047	98	73,300	136	(1,234)	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	10,540	-0.7 %	44%	1,911	61	49,200	706	(9,834)	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,700	-0.6 %	13%	140	50	49,200	1,171	(529)	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,580	0 %	-7%	11,301	44	49,200	1,172	(408)	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,390	0 %	-7%	3,227	127	49,200	583		HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CHDB2005	1,080	630	-12.5 %	-42%	415	26	29,100	458	(172)	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	2,530	-1.6 %	16%	8,783	29	29,100	2,230	(300)	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	11,230	1.1 %	435%	621	22	24,500	5,535	(5,695)	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020
CHPG2006	1,500	4,210	6.3 %	181%	6,302	7	24,500	1,246	(2,964)	KIS	HPG	22,020	2	16/09/2020
CHPG2008	4,100	3,790	0 %	-8%	10,530	82	24,500	43	(3,747)	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	4,050	4.1 %	153%	5,906	50	24,500	1,053	(2,997)	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	5,590	1.3 %	-8%	1,368	131	24,500	578	(5,012)	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	6,890	1.5 %	0%	3,560	83	24,500	1,134	(5,756)	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	6,710	1.1 %	-7%	95	222	24,500	1,449	(5,261)	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	6,130	1.7 %	-9%	2,464	173	24,500	968	(5,162)	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CMSN2008	1,530	1,440	1.4 %	-6%	6,208	89	55,000	617	(823)	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CHPG2016	2,200	2,660	15.7 %	21%	5,978	127	24,500	163	(2,497)	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,060	-3.3 %	23%	13,560	72	59,500	1,372	(688)	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CSTB2008	1,500	1,800	-1.6 %	20%	12,676	72	11,300	1,180	(620)	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CVNM2009	1,810	2,230	-5.1 %	23%	15,959	89	123,800	1,763	(467)	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVPB2009	1,630	2,000	-2.4 %	23%	4,016	72	22,850	1,399	(601)	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CMBB2003	2,000	1,240	-0.8 %	-38%	1,106	61	17,750	289	(951)	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	-	0 %	-100%	-	47	17,750	0	0	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,000	-3.9 %	-9%	11,487	50	17,750	664	(336)	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,250	0.8 %	-11%	751	127	17,750	646		HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	570	1.8 %	-75%	5,248	98	55,000	7	(563)	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2002	2,000	40	0 %	-98%	7,075	7	55,000	(0)	(40)	KIS	MSN	62,999	4	16/09/2020
CMSN2005	2,100	480	-28.4 %	-77%	38,046	50	55,000	4	(476)	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,370	3.8 %	-28%	3,057	127	55,000	433		HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMWG2005	2,500	2,930	-1.4 %	17%	3,134	22	93,400	902	(2,028)	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	340	54.6 %	-83%	1	47	93,400	0	(340)	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	11,640	2.1 %	-10%	2,253	82	93,400	7,607	(4,033)	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	1,190	0 %	-8%	32,062	48	93,400	876	(314)	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	1,650	1.2 %	3%	18,676	44	93,400	1,462	(188)	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	1,800	1.1 %	29%	4,201	127	93,400	1,294		HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CNVL2001	2,300	-	0 %	-100%	-	98	62,800	90	90	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,440	-1.6 %	22%	10,179	182	62,800	920	(1,520)	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	360	-10.0 %	-85%	3,083	22	59,500	(0)	(360)	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	140	0 %	-93%	12	47	59,500	0	(140)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	460	-6.1 %	-54%	1,434	50	59,500	95	(365)	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	810	-2.4 %	-19%	2,640	127	59,500	329		HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CREE2003	1,000	1,510	4.9 %	51%	16	50	37,150	1,455	(55)	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	2,590	0.8 %	65%	6,601	44	37,150	2,586	(4)	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	1,680	-1.2 %	29%	77	127	37,150	1,272		HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	160	-5.9 %	-84%	4,980	98	2,170	(0)	(160)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	490	-2.0 %	-83%	500	98	14,100	0	(490)	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	960	-17.2 %	-44%	14,623	98	11,300	236	(724)	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2003	1,360	340	21.4 %	-75%	103,366	7	11,300	196	(144)	KIS	STB	11,111	1	16/09/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2004	1,400	1,140	0.9 %	-19%	20,207	82	11,300	572	(568)	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	420	5.0 %	-61%	29,137	55	11,300	41	(379)	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	780	4.0 %	-48%	3,324	208	11,300	218	(562)	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CTCB2003	2,000	300	-9.1 %	-85%	10	47	21,200	0	(300)	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,670	4.4 %	-44%	3,556	82	21,200	359	(1,311)	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	1,770	-7.8 %	48%	7,348	50	21,200	1,637	(133)	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,540	-3.8 %	-9%	103	127	21,200	902		HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CVHM2001	3,100	1,070	17.6 %	-65%	701	98	78,600	14	(1,056)	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	7,360	-4.7 %	-36%	6,154	82	78,600	3,541	(3,819)	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	1,150	0.9 %	15%	42,706	50	78,600	889	(261)	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	240	-7.7 %	-84%	5,887	26	78,600	0	(240)	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	1,010	-2.9 %	-28%	31,859	127	78,600	387		HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVJC2001	2,400	170	-19.1 %	-93%	1	98	106,000	0	(170)	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	540	3.9 %	-72%	622	50	106,000	1	(539)	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	110	-15.4 %	-93%	10,331	26	106,000	0	(110)	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVNM2004	17,500	14,050	-11.6 %	-20%	1,971	82	123,800	7,444	(6,606)	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,450	-1.2 %	63%	8,527	50	123,800	2,123	(327)	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	400	-4.8 %	-74%	60,353	26	123,800	0	(400)	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	1,380	-6.1 %	-43%	151	182	123,800	266	(1,114)	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,210	8.9 %	23%	12,980	127	123,800	1,210		HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVPB2006	3,400	1,550	-0.6 %	-54%	8,357	82	22,850	397	(1,153)	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	950	-4.0 %	-44%	30,423	50	22,850	362	(588)	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,610	-3.6 %	-11%	7,411	127	22,850	900		HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVRE2003	3,000	370	-5.1 %	-88%	19,492	98	28,400	1	(369)	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	2,690	-0.7 %	-33%	2,156	82	28,400	1,268	(1,422)	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,460	3.6 %	33%	33,183	50	28,400	1,374	(86)	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	680	-2.9 %	-55%	85	208	28,400	199	(481)	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,260	-0.8 %	5%	4,521	127	28,400	783		HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
VCB (New)	HOSE	82,200	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
AST (New)	HOSE	49,000	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR (New)	HOSE	58,300	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE (New)	HOSE	28,400	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	10,000	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
MWG	HOSE	93,400	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
NVL	HOSE	62,800	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
NT2	HOSE	22,900	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
SCS	HOSE	124,500	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
MSN	HOSE	55,000	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
HPG	HOSE	24,500	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
DHG	HOSE	102,400	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
VTP	UPCOM	103,500	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%
VPB	HOSE	22,850	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%
BMP	HOSE	56,500	55,800	07/08/2020	491	6,001	30,994	19%	17%	9.2	1.8	40%
MSH	HOSE	31,100	36,500	04/08/2020	21	428	20,629	2%	1%	85.2	1.8	25%
PNJ	HOSE	59,500	66,500	04/08/2020	836	3,713	21,769	17%	10%	17.9	3.1	8%
CTR	UPCOM	41,000	42,400	03/08/2020	191	3,152	13,146	20%	8%	16.2	3.4	10%
STK	HOSE	15,400	17,500	03/08/2020	102	1,448	15,252	10%	5%	12.1	1.2	15%
DGW	HOSE	51,800	47,200	28/07/2020	205	4,759	25,703	18%	8%	9.9	1.8	20%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phfm.vn